BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2011*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 650/2000/QĐ-BTS ngày 4 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế kiểm tra và chứng nhận nhà nước về chất lượng hàng hoá thủy sản.

1. Điều 9 được sửa đổi như sau:

"1. Đối với mỗi lô hàng hoá thuỷ sản nhập khẩu hoặc tiêu thụ nội địa thuộc Danh mục, chủ hàng phải gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá cho Cơ quan Kiểm tra.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:

a) Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá thuỷ sản (2 bản), theo Mẫu 03 TS/KHCN quy định tại Phụ lục 3 Quy chế này;

b) Bản kê chi tiết lô hàng;

c) Các yêu cầu riêng của nước nhập khẩu như đã nêu tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

3. Chủ hàng phải đăng ký với Cơ quan Kiểm tra đề nghị kiểm tra lại chất lượng lô hàng trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hết thời hạn;

b) Lô hàng bị hư hại;

c) Hàng hoá hoặc bao bì bị thay đổi so với lần kiểm tra trước;

d) Lô hàng đã được tái chế, hoàn thiện hoặc bổ sung theo yêu cầu của Cơ quan kiểm tra.

4. Khi nhận đủ hồ sơ, Cơ quan Kiểm tra có trách nhiệm xem xét, hướng dẫn chủ hàng bổ sung những phần còn thiếu, xác nhận đăng ký kiểm tra và thông báo ngay cho chủ hàng về thời gian, địa điểm, nội dung kiểm tra."

2. Bãi bỏ Điều 10.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 11 Quyết định số 06/2006/QĐ-BTS ngày 10 /04/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý vùng và cơ sở nuôi tôm an toàn

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 56/2008/QĐ-BNN ngày 29/4/2008 Ban hành Quy chế kiểm tra, chứng nhận nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững

1. Điểm a, khoản 6, Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 7. Trình tự, thủ tục kiểm tra, chứng nhận

6. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi kết thúc quá trình kiểm tra hoặc nhận được hồ sơ của cơ quan kiểm tra, cơ quan chứng nhận thực hiện xem xét kết quả kiểm tra:

a) Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu theo cấp độ BMP hoặc GAqP hoặc CoC thì cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững tương ứng với kết quả kiểm tra. Giấy chứng nhận theo mẫu tại phụ lục 2, hệ thống mã số chứng nhận được quy định tại phụ lục 5; Giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững có giá trị 2 (hai) năm".

2. Khoản 3, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 9. Kiểm tra giám sát

3. Căn cứ kết quả tại Biên bản kiểm tra, cơ quan chứng nhận quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản theo

hướng bền vững đã được cấp theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Gia hạn giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững có giá trị 2 (hai) năm ".

3. Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 14. Trình tự, thủ tục đánh giá, chỉ định cơ quan kiểm tra, cơ quan chứng nhận

1. Hồ sơ đăng ký (01 bộ) để được chỉ định là cơ quan kiểm tra, cơ quan chứng nhận nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững gửi về Tổng cục Thuỷ sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký được chỉ định là cơ quan kiểm tra, cơ quan chứng nhận nuôi trồng thuỷ sản theo hướng bền vững (mẫu tại phụ lục 4);

b) Bản kê khai chi tiết về các điều kiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này;

c) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký, Tổng cục Thuỷ sản xem xét hồ sơ, hướng dẫn bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức đăng ký bổ sung hồ sơ chưa đúng quy định".

4. Đổi tên cơ quan thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở, vùng nuôi theo hướng bền vững ở cấp trung ương được quy định tại Quyết định 56/2008/QĐ-BNN từ Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản thành Tổng cục Thủy sản**. "**

Điều 4. Bổ sung Điều 3a tại Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

Bổ sung Điều 3a như sau:

"Điều 3a. Trình tự, thủ tục cấp chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện, sản xuất kinh doanh giống thủy sản.

1. Đối tượng thực hiện thủ tục

a) Các cơ sở có nhu cầu xin chứng nhận nguồn gốc sản phẩm (C/O) phải thực hiện thủ tục cấp chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản;

b) Các cơ sở không có nhu cầu xin chứng nhận nguồn gốc sản phẩm (C/O) không phải thực hiện thủ tục cấp chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản.

2. Thành phần và số lượng hồ sơ:

a) Thành phần

- Đơn đề nghị kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh (Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Giấy phép đầu tư hoặc giấy phép kinh doanh (bản sao công chứng);

- Bản sao các giấy tờ liên quan đến việc thành lập cơ sở (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng mục đích hoặc hợp đồng thuê mặt bằng, bản sao hộ khẩu thường trú, giấy chứng minh nhân dân);

- Giấy chứng nhận đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y thủy sản.

b) Số lượng: 01 bộ

3. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh giống thuỷ sản chuẩn bị đầy đủ hồ sơ (tại khoản 2 Điều 3a Thông tư này);

b) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý hoặc thông qua đường bưu điện về Tổng Cục Thuỷ sản;

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan quản lý tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý tiến hành kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản của cơ sở (Mẫu hồ sơ kiểm tra theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này). Nếu cơ sở đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản (Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo phiếu hẹn tại Tổng cục Thủy sản. Công chức thu lại biên nhận hồ sơ, trả kết quả (Quyết định và Giấy chứng nhận) và yêu cầu người đến nhận ký nhận hoặc Văn thư gửi trả kết quả qua đường bưu điện, có xác nhận của Bưu điện nếu tổ chức, cá nhân yêu cầu.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản có hiệu lực trong thời gian 02 năm”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Quy chế đăng ký tàu cá và thuyền viên tàu cá ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03 tháng 7 năm 2006.

1. Điều 8 được sửa đổi như sau:

" Giấy tờ phải nộp, mỗi thứ 01 bản:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

- Đối với tàu cá đóng mới:

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Thuỷ sản hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

- Đối với tàu cá cải hoán:

+ Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản gốc);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Thuỷ sản hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

- Đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu:

+ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định hiện hành của Nhà nước (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản chính) kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu (bản chính).

- Đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu:

+ Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Hợp đồng thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam (bản chính);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký cũ của tàu do cơ quan Đăng ký cũ cấp (bản chính) và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung dịch.

c) Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

d) Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

2. Bổ sung Điều 8a như sau:

“Điều 8a. Đăng ký bè cá

1. Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị thực hiện việc đăng ký bè cá trong phạm vi quản lý của địa phương.

2. Hồ sơ (01 bộ) nộp khi đăng ký bè cá gồm :

a) Tờ khai đăng ký bè cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Giấy tờ hợp pháp do Cơ quan có thẩm quyền cấp về Quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá;

c) Sơ đồ vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có);

d) Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký bè cá cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa đủ theo quy định cơ quan đăng ký bè cá phải thông báo tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký bè cá trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ".

3. Điều 9 được sửa đổi như sau:

"Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu cá có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ cơ quan đăng ký tàu cá phải hướng dẫn chủ tàu bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ.

Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm công bố công khai, đăng tải, cập nhật và xây dựng cơ chế trao đổi thông tin về quy hoạch ngành thủy sản, đặc biệt là các nội dung liên quan đến định hướng quản lý, phát triển đóng mới, cải hoán tàu cá để cá nhân, tổ chức biết và thực hiện".

4. Bổ sung Điều 9a như sau:

" Điều 9a. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

1.Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Bị mất, bị rách nát, hư hỏng;

b) Thay đổi tên tàu, hô hiệu (nếu có) hoặc các thông số kỹ thuật của tàu.

2. Hồ sơ (01 bộ) nộp cho cơ quan đăng ký tàu cá để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá gồm:

a) Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (nếu bị rách nát, hư hỏng hoặc thay đổi tên tàu; bản chính) hoặc giấy khai báo bị mất "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá".

3. Cơ quan đăng ký tàu cá xét cấp lại "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá" cho chủ tàu chậm nhất không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải xem xét, hướng dẫn cá nhân, tổ chức bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định ngay khi nhận được hồ sơ. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ qua đường bưu điện, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải xem xét, hướng dẫn cá nhân, tổ chức bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

5. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được cấp lại phải giữ nguyên số đăng ký đã được cấp và ghi rõ lần cấp”.

5. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 10

2. Hồ sơ 01 bộ nộp khi đăng ký tạm thời gồm :

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Hợp đồng đóng tàu hoặc hợp đồng chuyển dịch sở hữu tàu cá;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký tàu cá cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa đủ theo quy định cơ quan đăng ký tàu cá phải thông báo tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký tàu cá trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ".

6. Bãi bỏ Điều 11

7. Khoản 1 và khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hồ sơ đăng ký danh sách thuyền viên và cấp sổ Danh bạ thuyền viên tàu cá (01 bộ) gồm:

a) Tờ khai đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá hoặc Chứng minh thư nhân dân (bản sao).

2. Cơ quan đăng ký tàu cá cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá cho chủ tàu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký phải thông báo cho chủ tàu cá để bổ sung hồ sơ theo quy định".

8. Bãi bỏ Điều 16

9. Bãi bỏ Phụ lục 1c và Phụ lục 3a ban hành kèm Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 ban hành Quy chế đăng ký tàu cá và thuyền viên tàu cá.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy chế đăng kiểm tàu cá ban hành kèm theo Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007

1. Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Thẩm quyền của cơ quan Đăng kiểm tàu cá Trung ương

2. Thực hiện việc đăng kiểm đối với:

a) Tàu cá của Việt Nam khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam;

b) Tàu cá nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam (kiểm tra lần đầu);

c) Tàu kiểm ngư;

d) Tàu nghiên cứu, điều tra, thăm dò, nguồn lợi thủy sản".

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 9 như sau:

"5. Tàu cá của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Bộ, ngành khác; các đơn vị vũ trang nhân dân làm kinh tế".

3. Bãi bỏ Điều 14.

4. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 15. Thủ tục kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp tại cơ quan đăng kiểm; gửi qua fax, email, sau đó gửi hồ sơ bản chính; gửi theo đường bưu điện. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng kiểm theo thông báo cho tổ chức, cá nhân thời gian chính thức sẽ tiến hành kiểm tra, nhưng không qua 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

3. Cơ quan đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tàu cá".

Điều 7: Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 48/2010/TT-BNNPTNT hướng dẫn Nghị định số 33/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/3/2010 về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển

1. Điểm b khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản thẩm định hồ sơ, cấp và chuyển các giấy tờ theo qui định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định 33/2010/NĐ-CP về cho chủ tàu thông qua Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (theo phân cấp quản lý) nơi chủ tàu đăng ký và thông báo cho chủ tàu cá biết.

Nếu không cấp các giấy tờ theo quy định, Tổng cục Thủy sản phải có văn bản trả lời chủ tàu cá và nêu rõ lý do."

2. Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2010/TT-BNN được sửa đổi như sau:

"Bãi bỏ quy định xác nhận của Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong đơn đề nghị".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 05 năm 2008 ban hành quy chế bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền thuyền trưởng, máy trưởng, nghiệp vụ thuyền viên và thợ máy tàu

Bổ sung Điều 5a. Trình tự, thủ tục xin cấp phép đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tàu cá.

"1. Hồ sơ (01 bộ) nộp tại cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Quyết định 77/2008/QĐ-BNN, gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp phép của tổ chức cá nhân (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Đề án tổ chức đào tạo của tổ chức.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép phải kiểm tra, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép phải thông báo cho cơ sở thời gian chính thức sẽ tiến hành thẩm tra thực tế tại cơ sở. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan cấp phép thông báo về thời gian thẩm tra thực tế, cơ quan cấp phép phải tiến hành thẩm tra tại cơ sở.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm tra thực tế tại cơ sở, cơ quan có thẩm quyền phải ban hành quyết định cấp phép tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng máy trưởng tàu cá cho cơ sở đào tạo.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiên sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản được sửa đổi như sau:

Điểm b khoản 4 mục II được sửa đổi như sau:

" - Hồ sơ xin đổi và cấp lại Giấy phép (01 bộ) bao gồm:

+ Đơn xin đổi hoặc cấp lại giấy phép (trong trường hợp mất Giấy phép) theo mẫu quy định tại phụ lục 10 của Thông tư số 02/2006/TT-BTS, kèm theo Giấy phép cũ (trừ trường hợp mất Giấy phép);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với trường hợp xin đổi giấy phép do thay đổi tàu cá thuộc diện phải đăng kiểm".

Điều 10. Thay thế mẫu Giấy phép khai thác quy định tại phụ lục về Giấy phép khai thác thủy sản ban hành kèm theo Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 02/2006/TT- BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản bằng mẫu Giấy phép được quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo và Website CP;
- Lưu: VT, TCTS,PC.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Phụ lục số 1
Mẫu đơn đề nghị kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24./2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 .năm 2011*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN
Số: ……/ĐK-KTĐKSXKD

Kính gửi: .....
Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện): ……..
Địa chỉ giao dịch: ……
Chứng minh nhân dân số: …… cấp ngày …/…/…. Tại ……
……
Điện thoại: …… Fax: ……. Email:……..
Đề nghị Quý cơ quan kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản cho cơ sở: …….
Địa điểm tại: …….

Vị trí và dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản đã được cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản thẩm định vào
ngày …….....
Đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số: …… cấp tại……..
Mục đích: sản xuất giống…….. phục vụ nuôi trồng.
Các giấy tờ liên quan: ……..
……..
……
Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động ngày ……
Tôi xin chân thành cảm ơn.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CẤP TỈNH	……, ngày….tháng….năm 20…
Đăng ký tại:…….	**CHỦ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ**
Đồng ý kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh cho cơ sở……	(Ký, ghi rõ họ tên)
Thời gian kiểm tra ….giờ, ngày…../…/20…	
Vào sổ đăng ký số…… ngày…./…/20….	
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Phụ lục số 2

Mẫu Hồ sơ kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

HỒ SƠ KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN

Tên cơ sở: ……

Địa chỉ: ……

Ngày kiểm tra: …….

Kết quả kiểm tra các điều kiện của cơ sở:

TT	Danh mục kiểm tra	Đạt (hoặc có)	Không đạt (hoặc không có)	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về giống thuỷ sản			
2	Địa điểm:			
	- Phù hợp quy hoạch của địa phương			
	- Vị trí đảm bảo đk vệ sinh thú y thủy sản			
3	Thiết kế kỹ thuật			
	- Quy mô ……. triệu giống			
	- Công suất thực tế …….. triệu giống			
4	Giấy tờ liên quan đến việc thành lập cơ sở			
5	Cơ sở vật chất kỹ thuật			
	- Trang thiết bị kỹ thuật đầy đủ			
	- Hệ thống cấp nước			
	+ Nguồn nước đảm bảo			
	+ Có bể lắng lọc			
	- Hệ thống xử lý nước thải (bể lắng, lọc sinh học, có mái che)			
	- Phương tiện vận chuyển			
	- Nơi bảo quản thuốc, chế phẩm sinh học thức ăn riêng biệt không ẩm thấp			
6	Hệ thống bể sinh sản đảm bảo yêu cầu			

7	Bể cách ly giống mới nhập			
8	Hệ thống bể/ao ương giống			
9	Sử dụng giống bố mẹ			
	- Có hồ sơ mua giống bố mẹ, nguồn gốc			
	- Kiểm dịch giống bố mẹ			
	- Có hồ sơ theo dõi quá trình sử dụng giống bố mẹ			
10	Nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ chuyên môn phù hợp			
11	Sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học theo quy định			
12	Thực hiện quy trình bắt buộc			
13	Thực hiện công bố chất lượng, dán nhãn mác sản phẩm			
14	Thực hiện khai báo, kiểm dịch			
15	Tình hình dịch bệnh trước đây ở cơ sở			

CÁN BỘ KIỂM TRA 1	CÁN BỘ KIỂM TRA 2	CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	**(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)**	**(Ký, ghi rõ họ tên)**

Phụ lục số 3
Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT……..	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI CỤC ……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày tháng năm 20....

CHI CỤC ……. TỈNH ……..

CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THUỶ SẢN

Cơ sở: …….

Lĩnh vực hoạt động: ……. ……..

(ghi theo đối tượng: sản xuất giống tôm sú, tôm he chân trắng, v.v....)

Địa chỉ: …….

Đã đáp ứng các yêu cầu đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thuỷ sản (bao gồm vệ sinh thú y thủy sản) theo quy định tại Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ Về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thuỷ sản và Quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản ban hành kèm theo Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số …/2008/TT-BNN ngày ...tháng … năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thuỷ sản ban hành kèm theo Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN.

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày ….tháng … năm 20…

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 4
Tờ khai đăng ký tàu cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi: .....
Họ tên người đứng khai:.....
Thường trú tại: .....
Chứng minh nhân dân số:.....
Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu: .....; Công dụng.....
Năm, nơi đóng: .....
Cảng *(Bến đậu)* đăng ký: .....
Kích thước chính L_{max} x B_{max} x D, *m:* ..... ; Chiều chìm d,*m:*.....
Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....
Sức chở tối đa, *tấn:* .....Số thuyền viên,*người*.....
Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....
Vùng hoạt động:.....
Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *sức ngựa*	Vòng quay định mức, *v/ph*	Ghi chú
N° 1					
N° 2					
N° 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Gía trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(*Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu*)

Phụ lục số 5
Tờ khai đăng ký bè cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ BÈ CÁ

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....
Thường trú tại: .....
Chứng minh nhân dân số:.....
Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:

Đối tượng nuôi: .....
Năm, nơi đóng: .....
Nơi đặt bè: .....
Kích thước chính L*(m)* x B*(m)* x D*(m):* .....
Vật liệu khung bè: ..... ; Vật liệu dự trữ nổi: .....
Tổng dung tích: .....
Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:.....
Số người làm việc trên bè cá, *người*.....

2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (*nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân
01			
02			
03			
04			

3. Hồ sơ kèm theo

TT	Hồ sơ đăng ký bè cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng mới bè cá		
02	Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyển		

	nhượng quyền sở hữu)		
03	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
04	Biên lai nộp thuế trước bạ		

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

XÁC NHẬN
của xã, phường nơi đặt bè cá
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ BÈ CÁ

Phụ lục số 6.
Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký bè cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ)

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ

Bè cá có đặc điểm sau:

- Kích thước cơ bản; L*(m)* x B*(m)* x D*(m)*	……..…….……
- Dung tích bè, m^3	……..……
- Đối tượng nuôi	……..
- Năm và nơi đóng	……..…
- Vật liệu khung bè	……..…
- Vật liệu dự trữ nổi của bè	……..…
- Nơi neo đậu	……..…
- Số người làm việc trên bè	……..…
- Chủ bè:	……..…
- Nơi thường trú	……..……
- Điện thoại	……..……..

Được cấp số đăng ký:

Cấp tại …, ngày……tháng……năm…

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên đóng dấu)

Số vào Sổ đăng ký:

Phụ lục số 7.
Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI
ĐỔI TÊN TÀU/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....
Thường trú tại: .....
Chứng minh nhân dân số:.....
Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:
Tên tàu: .....; Công dụng:.....
.....
Năm, nơi đóng:.....
Cảng *(Bến đậu)* đăng ký:.....
Kích thước chính L_{max} x B_{max} x D, *m:* ....
Chiều chìm d,*m:*.....
Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....
Sức chở tối đa, *tấn:* .....Số thuyền viên,*người*.....
Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....
Vùng hoạt động:.....
Máy chính:

TT	**Ký hiệu máy**	**Số máy**	**Công suất định mức,** *sức ngựa*	**Vòng quay định mức,** *v/ph*	**Ghi chú**
N° 1					
N° 2					
N° 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				

03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(*Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu*)

Phụ lục số 8
Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời.
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ TẠM THỜI

Kính gửi: .....
Họ tên người đứng khai:.....
Thường trú tại: .....
Chứng minh nhân dân số:.....
Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu: .....; Công dụng.....
Năm, nơi đóng: .....
Cảng *(Bến đậu)* đăng ký: .....
Kích thước chính L_{max} x B_{max} x D, *m:* ..... ; Chiều chìm d,*m:*.....
Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....
Sức chở tối đa, *tấn:* .....Số thuyền viên,*người*.....
Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....
Vùng hoạt động:.....
Máy chính:

TT	**Ký hiệu máy**	**Số máy**	**Công suất định mức,** *sức ngựa*	**Vòng quay định mức**, *v/ph*	**Ghi chú**
N° 1					
N° 2					
N° 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần cùa từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Gía trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI ĐIỆN CHÙ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 9.
Tờ khai Đăng ký Danh sách thuyền viên tàu cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày…….....tháng…….....năm……

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:……..
Tên tôi là:…….Nam, nữ……
Ngày tháng năm sinh:……
Nguyên quán:……
Thường trú tại:……...
Là chủ tàu:.....Số đăng ký.....
Chứng minh nhân dân số:……...cấp tại……
Nghề nghiệp:……
Trình độ văn hoá:……
Trình độ chuyên môn:……
Chứng chỉ chuyên môn số:…….ngày cấp……
Cơ quan cấp:……

Tôi làm tờ khai này kính trình cơ quan đăng ký tàu cá cấp danh sách thuyền viên tàu cá.

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước ban hành.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 10
Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ

Kính gửi: .....
Họ tên người đứng khai:.....
Thường trú tại: .....
Chứng minh nhân dân số:.....
Đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu: .....; Công dụng.....
Năm, nơi đóng: .....
Cảng *(Bến đậu)* đăng ký: .....
Kích thước chính L_{max} x B_{max} x D, *m:* ..... ; Chiều chìm d,*m:*.....
Vật liệu vỏ: ..... ; Tổng dung tích: .....
Sức chở tối đa, *tấn:* .....Số thuyền viên,*người*.....
Nghề chính: .....Nghề kiêm:.....
Vùng hoạt động:.....
Máy chính:

TT	**Ký hiệu máy**	**Số máy**	**Công suất định mức,** *sức ngựa*	**Vòng quay định mức,** *v/ph*	**Ghi chú**
N° 1					
N° 2					
N° 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần cùa từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Gía trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(*Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu*)

Phụ lục số 11.
Tờ Trình cấp phép tổ chức bồi và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*)

(Tên tổ chức, cơ quan, đơn vị đề nghị cấp phép) Số:……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH
CẤP PHÉP TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG TÀU CÁ

Kính gửi*:……*

- Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

- Căn cứ Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, nghiệp vụ thuyền viên và thợ máy tàu cá.

- Căn cứ *(pháp lý khác có liên quan)*;

(Tên tổ chức, cơ quan, đơn vị) đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá với nội dung như sau:

I. Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá

1. Cơ sở pháp lý

2. Hiện trạng về công tác đào tạo

3. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ

4. Dự toán kinh phí

II. Tổ chức thực hiện

(Gửi kèm theo Tờ trình này là Đề án đào tạo bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá và các văn bản pháp lý có liên quan).

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:…	**Đại diện tổ chức, cơ quan, đơn vị** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Phụ lục số 12
Mẫu Giấy phép khai thác thủy sản
(Kèm theo Thông tư số 24 /TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CƠ QUAN CẤP PHÉP

- Căn cứ Luật Thủy sản;
- Căn Nghị Định 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

Cấp Giấy phép khai thác thủy sản

Cho chủ tàu: . . . . . .

Địa chỉ thường trú: . .. .

Điện thoại: . . . . . Tần số liên lạc: .. . .

Là chủ tàu khai thác thủy sản số: . . . . . .

Tổng công suất máy chính: . . . . . .

Cảng, bến chính đăng ký cập tàu: . . . . . .

Được phép khai thác thuỷ sản theo các nội dung sau:

Nghề	Vùng, tuyến	Kích thước mắt lưới nơi thu cá	Thời gian hoạt động
Nghề chính.....			Từ ngày . . / . . / . . . Đến ngày . ./ . . / . . .
Nghề phụ 1 ……..			Từ ngày . . / . . / . . . Đến ngày . ./ . . / . . .
Nghề phụ 2 ……			Từ ngày . . / . . / . . . Đến ngày . ./ . . / . . .

Các nội dung khác (nếu có) . . . .

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày . . . . tháng . . . . năm . . . . . .

. . . . . ., ngày …. tháng …. năm ……

Người cấp phép
(ký tên, đóng dấu)

GIA HẠN GIẤY PHÉP

Lần gia hạn	Thời gian gia hạn		Người gia hạn
Lần thứ	**Từ ngày** …../…./……..	**Đến ngày** …../…./……..	**Thủ trưởng đơn vị**
Lần thứ	**Từ ngày** …../…./……..	**Đến ngày** …../…./……..	**Thủ trưởng đơn vị**
Lần thứ	**Từ ngày** …../…./……..	**Đến ngày** …../…./……..	**Thủ trưởng đơn vị**

MỘT SỐ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

A. Thu hồi Giấy phép khai thác thuỷ sản

Tổ chức, cá nhân khai thác thuỷ sản bị thu hồi Giấy phép khai thác thuỷ sản trong trường hợp sau đây:

1. Tất cả các hành vi đưa tạp chất, hóa chất độc hại, thuốc kháng sinh không được phép vào sản phẩm khai thác;

2. Không còn đủ 4 điều kiện quy định của Luật thủy sản;

3. Vi phạm nghiêm trọng các quy định của Luật Thủy sản về khai thác thuỷ sản hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động thuỷ sản ba lần trong thời hạn của Giấy phép khai thác thuỷ sản;

4. Tẩy xoá, sửa chữa nội dung Giấy phép khai thác thuỷ sản;

5. Có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi Giấy phép khai thác thuỷ sản.

B. Một số quy định khác

1. Chuyển đổi phương tiện, chuyển nghề phải xin cấp lại Giấy phép;

2. Phải mang theo Giấy phép khi đi khai thác thủy sản;

3. Phải báo cáo khai thác, ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản (đối với tàu có công suất trên 45CV) cho cơ quan quản lý thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
KHAI THÁC THỦY SẢN

Số : . . . . . /KTTS

Tên tàu (nếu có): . . . . . .

Số đăng ký: . . . . . .